

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **156/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 14-7-2017

“V/v Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà **Từ Thanh Nhung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Duyên Văn Hiền**;

2/ Ông **Trịnh Văn Điệp**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Trương Huỳnh Hải** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 503/2016/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2016 về việc *“Ly hôn, nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2/ *Bị đơn:* Anh **Bùi Thanh T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị H, trình bày: Vào năm 2009 chị H và anh T được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (số 170, quyển số 01/2011). Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H và anh T có 01 con chung tên: Bùi Trung N, sinh 25/10/20011 (con hiện nay chị H đang nuôi dạy);

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Đối với anh Bùi Thanh T:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc “ly hôn, nuôi con”, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại **Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2] *Xét về thủ tục:* Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án căn cứ **Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự**, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] *Xét về mối quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiền bộ là vợ chồng phải chung thủy, yêu thương nhau, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững; Nhưng chị H và anh T không làm được điều đó mà chị H và anh T làm cho tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài và tại phiên tòa chị H cương quyết ly hôn với anh T, do đó cần chấp nhận cho chị H ly hôn với anh T **là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;**

[4] *Xét về con chung:* Đối với cháu N, Hội đồng xét xử xét thấy cháu N hiện nay đang được chị H nuôi dạy và chị H cũng đã nêu rõ điều kiện đảm bảo việc nuôi dạy cháu trong việc học hành và việc trưởng thành của cháu N, nên cần giao cháu N cho chị H nuôi dạy là phù hợp với **Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.** Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không ai được cản trở

anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu N được sống với chị H là phù hợp với **Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình**. Việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H, nên cần Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Tại phiên toà hôm nay chị H cho rằng giữa chị với anh T không có tài sản chung và nợ chung, nhưng hôm nay tại phiên toà anh T vắng mặt không rõ lý do, nên chưa làm rõ được phần tài sản chung và nợ chung giữa chị H với anh T; do đó cần tách phần tài sản chung và nợ chung giữa chị H với anh T ra để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T, khi nào anh T có yêu cầu xét thấy có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] *Xét về án phí*: Chị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, chị H đã dự nộp án phí trước 200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nên cần xem xét chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Thanh T.
- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Trung N, sinh 25/10/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dạy. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị H phải nộp 200.000 đồng, chị H đã dự nộp án phí trước 200.000 đồng theo biên lai số 0006404 ngày 23/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

TỪ THANH NHUNG